

Bản án số: 57/2026/HNGĐ - ST
Ngày 09-6-2026
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thọ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Văn Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Thuê.
- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2026/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Tuấn V, sinh năm 1988; số định danh cá nhân: 035088000770; nơi đăng ký thường trú: Thôn G, xã L, tỉnh Ninh Bình; nơi tạm trú: Số A phố P, phường H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
- *Bị đơn:* Chị Dương Thị N, sinh năm 1989; số định danh cá nhân: 035189011694; nơi cư trú: Tổ Ổ, phường L, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Tuấn V trình bày: Anh kết hôn với chị Dương Thị N trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã L, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 10/2013, sau khi sinh con được

10 ngày thì chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở và để lại con cho một mình anh nuôi dưỡng, từ đó đến nay đã hơn 12 năm vợ chồng không gặp gỡ, quan hệ gì với nhau nữa. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Dương Thị N.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Dương Thị N trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống ly thân đúng như anh Phạm Tuấn V đã trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh V nghe theo lời gia đình nên thường xuyên có lời lẽ chửi bới, hắt hủi chị. Nay anh V xin ly hôn, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, chị N xác định do chị làm công nhân nên việc xin nghỉ rất khó, vì vậy chị sẽ không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

Về con chung: Anh V và chị N thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 26/9/2013, hiện nay cháu đang ở với anh V. Anh chị đều thống nhất quan điểm khi vợ chồng ly hôn sẽ giao cháu A cho anh V nuôi dưỡng, chị N không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh V.

Về con riêng: Anh V, chị N thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Anh V, chị N thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Tuấn V và chị Dương Thị N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 26/9/2013 cho anh Phạm Tuấn V trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh V không có yêu cầu.

- Về con nuôi, con riêng: Không có.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí ly hôn: Các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là anh Phạm Tuấn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Dương Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Tuấn V và chị Dương Thị N là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã L, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Nay cả anh V và chị N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh V và chị N thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho ly hôn giữa anh V và chị N là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh V và chị N có 01 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 26/9/2013, hiện nay cháu đang ở với anh V. Lời khai của cháu A có nguyện vọng được ở với bố. Lời khai của anh V và chị N đều có quan điểm khi ly hôn sẽ giao cháu A cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh V. Xét quan điểm này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và các vấn đề khác*: Anh V1 và chị N cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh V1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Tuấn V và chị Dương Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 26/9/2013 cho anh Phạm Tuấn V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Dương Thị N không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V.

Anh V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Anh Phạm Tuấn V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000452 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. (Anh Vũ đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Lý Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đức Thọ

